

**CÔNG TY TNHH VẬT TƯ - THIẾT BỊ MÁY KHAI THÁC UYÊN MY**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH VẬT TƯ - THIẾT BỊ MÁY KHAI THÁC UYÊN MY

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3703228652

**3. Ngày thành lập:** 22/07/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 298, đường ĐT 746, Xã Thường Tân, Huyện Bắc Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0856.577.287

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                | Mã ngành    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                       | 4530        |
| 2.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị, phụ tùng máy xây dựng, cơ khí, điện cơ, điện lạnh. Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) | 4659(Chính) |
| 3.  | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại<br>Chi tiết: Gia công cơ khí, khoan, tiện, nghiền, mài, bào, đục, cưa, đánh bóng, hàn, nối, .....các phần của khung kim loại.                                                                                               | 2592        |
| 4.  | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                           | 4933        |
| 5.  | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                                                                               | 3312        |
| 6.  | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét<br>Chi tiết: Gia công xay, nghiền đá các loại                                                                                                                                                                                            | 0810        |
| 7.  | Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình<br>Chi tiết: Sửa chữa thiết bị điện lạnh.                                                                                                                                                                                            | 9522        |
| 8.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn tủ lạnh, điều hoà nhiệt độ.                                                                                                                                                                                     | 4649        |
| 9.  | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                    | 4321        |
| 10. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết: Bán buôn quặng kim loại; Bán buôn sắt, thép; Bán buôn kim loại khác                                                                                                                                                     | 4662        |
| 11. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác<br>Chi tiết: Hoạt động khoan gia công.                                                                                                                                                                                         | 0990        |
| 12. | Xây dựng công trình điện<br>Chi tiết: Thi công trạm biến áp và đường dây tải điện                                                                                                                                                                                        | 4221        |

Thời gian đăng từ ngày 23/07/2024 đến ngày 22/08/2024

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                              |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 13. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4229                                                         |
| 14. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                            | 4322                                                         |
| 15. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị máy các loại                                                                                                                                                                              | 7730                                                         |
| 16. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 7710                                                         |
| 17. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                          | 4663                                                         |
| 18. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4299                                                         |
| 19. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4329                                                         |
| 20. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4311                                                         |
| 21. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4312                                                         |
| 22. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4101                                                         |
| 23. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4102                                                         |
| 24. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4292                                                         |
| 25. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4293                                                         |
| 26. | Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật hiện hành có liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện theo quy định pháp luật. | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 9.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: VŨ THỊ YẾN

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 10/10/1982

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 030182013881

Ngày cấp: 27/08/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Tổ 15, khu phố 5a, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Tổ 15, khu phố 5a, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: **VŨ THỊ YẾN**

Giới tính: *Nữ*

Chức danh: *Chủ tịch công ty kiêm giám đốc*

Sinh ngày: *10/10/1982*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *030182013881*

Ngày cấp: *27/08/2022*

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Tổ 15, khu phố 5a, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Tổ 15, khu phố 5a, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** *Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Dương*